

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP
CUỐI KỲ LSDL 7 - HK2

*** PHẦN 1 – LỊCH SỬ 7:**

A. TRẮC NGHIỆM:

(Các bạn ôn bài trực tuyến trắc nghiệm có đáp án sau khi làm xong.)

- Bài 16: Công cuộc xây dựng đất nước thời Trần (1226-1400)

<https://www.vietjack.com/lich-su-7-ct/trac-nghiem-bai-16-cong-cuoc-xay-dung-dat-nuoc-thoi-tran.jsp>

Câu 1. Người có vai trò lớn dẫn đến sự thành lập của vương triều Trần là

- A. Trần Thủ Độ.
- B. Trần Nhân Tông.
- C. Trần Hưng Đạo.
- D. Trần Thái Tông.

Câu 2. Nhà Trần đã cho ban hành bộ luật nào?

- A. Hoàng Việt luật lệ.
- B. Quốc triều hình luật.
- C. Hoàng triều luật lệ.
- D. Luật Hồng Đức.

Câu 3. Thiền phái Phật giáo chính thống của Việt Nam do Phật hoàng Trần Nhân Tông sáng lập là

- A. Thảo Đường.
- B. Mật tông.
- C. Tịnh Độ tông.
- D. Trúc Lâm Yên Tử.

Câu 4. Vị thầy thuốc được mệnh danh là Ông tổ thuốc Nam và là người đầu tiên xây dựng nền y học truyền thống Việt Nam là:

- A. Hải Thượng Lãn Ông.
- B. Tuệ Tĩnh.
- C. Tôn Thất Tùng.
- D. Hồ Đắc Di.

Câu 5. Nhà Trần xây dựng và phát triển lực lượng quân đội theo chủ trương nào?

- A. Binh lính cốt đông đảo, không cần tinh nhuệ.
- B. Chỉ chú trọng xây dựng và phát triển thủy quân.
- C. Binh lính cốt tinh nhuệ, không cốt đông.
- D. Chỉ chú trọng trang bị các loại vũ khí hiện đại.

Câu 6. Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng chính sách phục hồi và phát triển sản xuất nông nghiệp của nhà Trần?

- A. Cho phép tự ý giết mổ trâu, bò.
- B. Khuyến khích khai khẩn đất hoang.
- C. Đào sông ngòi, đắp đê phòng lụt.
- D. Đặt các chức quan nông nghiệp.

Câu 7. Dưới thời Trần, kinh đô Thăng Long trở thành trung tâm sản xuất và buôn bán lớn nhất nước ta, với:

- A. 36 phường sản xuất.
- B. 63 phường sản xuất.
- C. 61 phường sản xuất.
- D. 16 phường sản xuất.

Câu 8. Tác phẩm quân sự nổi tiếng dưới thời Trần là:

- A. Hổ trướng khu cơ.
- B. Binh pháp Tôn Tử.
- C. Binh thư yếu lược.
- D. Quân trung từ mệnh tập.

Câu 9. Bộ quốc sử đầu tiên của Đại Việt là:

- A. Đại Việt sử kí.
- B. Đại Nam thực lục.
- C. Đại Việt sử kí toàn thư.
- D. Đại Việt sử lược.

Câu 10. Loại hình nghệ thuật diễn xướng phổ biến dưới thời Trần là

- A. Đờn ca tài tử.
- B. Múa rối nước.
- C. Ca trù.
- D. Kinh kịch.

- Bài 17: Ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên

<https://www.vietjack.com/lich-su-7-ct/trac-nghiem-bai-17-ba-lan-khang-chien-chong-quan-xam-luoc-mong-nguyen.jsp>

Câu 1. Ai là tác giả của câu nói nổi tiếng: “Đầu thần chưa rơi xuống đất, bệ hạ chớ có lo gì”?

- A. Trần Thái Tông.
- B. Trần Thủ Độ.
- C. Trần Hưng Đạo.
- D. Trần Nhân Tông.

Câu 2. Kế sách nào đã được nhà Trần sử dụng trong cả 3 lần kháng chiến chống quân Mông – Nguyên (thế kỉ XIII)?

- A. Vườn không nhà trống.
- B. Tiên phát chế nhân.
- C. Vây thành, diệt viện.
- D. Đóng cọc trên sông Bạch Đằng.

Câu 3. Để khích lệ tinh thần chiến đấu của các binh sĩ, Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn đã viết ra tác phẩm nào?

- A. Binh thư yếu lược.
- B. Bình Ngô đại cáo.
- C. Hịch tướng sĩ.
- D. Nam quốc sơn hà.

Câu 4. Ai là tác giả của câu nói: “Ta thà làm ma nước Nam, chứ không thèm làm vương đất Bắc”?

- A. Trần Khánh Dư.
- B. Trần Thủ Độ.
- C. Trần Hưng Đạo.
- D. Trần Bình Trọng.

Câu 5. Năm 1257, khi Mông Cổ cho quân áp sát biên giới Đại Việt và cử sứ giả đến Thăng Long dụ hàng, vua Trần Thái Tông đã có thái độ như thế nào?

- A. Yêu cầu sứ giả chuyển lại thư đầu hàng cho vua Mông Cổ.
- B. Lo ngại sức mạnh của quân địch nên vội vàng xin giảng hòa.
- C. Cho bắt giam sứ giả, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng kháng chiến.
- D. Đuổi sứ giả về nước, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng kháng chiến.

Câu 6. Năm 1279, nhà Nguyên đã chiếm được toàn bộ lãnh thổ Trung Quốc và ráo riết chuẩn bị lực lượng để xâm lược Đại Việt. Trước tình hình đó, nhà Trần đã

- A. triệu tập hội nghị Bình Than và Diên Hồng để bàn kế sách đánh giặc.
- B. chủ động xây dựng phòng tuyến trên sông Như Nguyệt để chặn giặc.
- C. cho quân tấn công sang đất nhà Nguyên để chặn trước thế mạnh của giặc.
- D. xây dựng nhiều thành lũy kiên cố, như: thành Đa Bang, thành Tây Đô,...

Câu 7. Ai là tác giả của câu nói nổi tiếng “Bệ hạ chém đầu tôi trước rồi hẵng hàng”?

- A. Trần Quốc Tuấn.
- B. Trần Thủ Độ.

- C. Trần Bình Trọng.
D. Trần Quang Khải.

Câu 8. Địa danh lịch sử nào được đề cập đến trong câu đố sau:

“Sông nào nổi sóng bạc đầu,

Ba phen cọc gỗ đâm tàu xâm lăng?”

- A. Sông Như Nguyệt.
B. Sông Thu Bồn.
C. Sông Bạch Đằng.
D. Sông Bến Hải.

Câu 9. Cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán của Ngô Quyền (938), chống quân Tống thời Tiền Lê (981) và chống quân Nguyên thời Trần (1287 – 1288) có điểm chung nào?

- A. Bố trí trận địa mai phục và giành được chiến thắng lớn trên sông Bạch Đằng.
B. Thực hiện kế sách “vườn không nhà trống” gây cho quân địch nhiều khó khăn.
C. Xây dựng phòng tuyến quân sự trên sông Như Nguyệt để chặn đánh giặc.
D. Chủ động tấn công trước để phòng vệ và chặn sức mạnh của quân địch.

Câu 10. Nội dung nào dưới đây không phản ánh đúng nguyên nhân thắng lợi trong 3 lần kháng chiến chống Mông – Nguyên (thế kỉ XIII)?

- A. Nhà Trần có kế sách đánh giặc đúng đắn, sáng tạo.
B. Tài năng thao lược của các vua Trần cùng nhiều danh tướng.
C. Quân Mông – Nguyên số lượng ít, kĩ thuật chiến đấu kém cỏi.
D. Lòng yêu nước, đoàn kết toàn dân trong chống giặc ngoại xâm.

B. TỰ LUẬN:

- Bài 16: Công cuộc xây dựng đất nước thời Trần (1226-1400)

*** Chủ đề 1: Nhà Trần thành lập và tổ chức bộ máy nhà nước thời Trần**

1. Sự thành lập nhà Trần	- Từ cuối thế kỉ XII, nhà Lý ngày càng suy yếu, phải dựa vào thế lực họ Trần.
	- Năm 1224, Lý Chiêu Hoàng lên ngôi vua.
	- Năm 1226, Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho Trần Cảnh.
→ Nhà Lý kết thúc, nhà Trần thành lập.	
2. Chính quyền thời Trần	+ Đứng đầu nhà nước là vua, thực hiện chế độ “cha truyền, con nối” và chế độ Thái thượng hoàng.
	+ Giúp việc cho vua là các quan văn, võ; do quý tộc họ Trần nắm giữ.
	+ Chế độ khen thưởng: cấp bổng lộc, ban thái ấp.
→ Chính quyền thời Trần được tổ chức quy củ và hoàn thiện hơn thời Lý.	

*** Chủ đề 2: Các triều đại phong kiến Việt Nam từ thế kỉ XI đến thế kỉ XV:**

	THỜI LÝ	THỜI TRẦN	THỜI HỒ
Năm thành lập	1009	1226	1400
Vua đầu triều	Lý Công Uẩn (Lý Thái Tổ)	Trần Cảnh (Trần Thái Tông)	Hồ Quý Ly (Quốc Tử Chương Hoàng)
Tên nước	Đại Việt	Đại Việt	Đại Ngu
Kinh đô	Thăng Long (Hà Nội)	Thăng Long (Hà Nội)	Tây Đô (Thanh Hóa)

- Bài 17: Ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên

*** Chủ đề 3: Khái quát 3 cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên**

	KHÁNG CHIẾN LẦN 1	KHÁNG CHIẾN LẦN 2	KHÁNG CHIẾN LẦN 3
Năm thành lập	1258	1285	1287-1288
Thủ lĩnh của ta	Vua Trần Thái Tông, Trần Thủ Độ.	Vua Trần Thánh Tông, Trần Quốc Tuấn, Trần Bình Trọng.	Vua Trần Nhân Tông, Trần Quốc Tuấn, Trần Quang Khải,

			Trần Khánh Dư.
Chiến thắng tiêu biểu	Đông Bộ Đầu, Bình Lệ Nguyên.	Hàm Tử, Tây Kết, Chương Dương.	Vân Đồn, Bạch Đằng.

* **Chủ đề 4: Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên**

“Trong vòng 30 năm (1258 - 1288), dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của vương triều Trần, quân và dân Đại Việt đã ba lần đánh bại quân Mông - Nguyên xâm lược, bảo vệ vững chắc giang sơn, bờ cõi. Có được chiến thắng trước đội quân xâm lược hùng mạnh là do nhiều yếu tố hợp thành; trong đó, yếu tố cơ bản, quan trọng là “vua tôi đồng lòng, anh em hòa mục, cả nước góp sức” và sự chỉ đạo chiến lược sáng suốt, tài tình của Bộ Thống soái Đại Việt, đứng đầu là các vua Trần và Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn.

Như vậy, trong cả ba cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên, nhờ nắm chắc tình hình, đánh giá đúng điểm mạnh, điểm yếu, sở trường, sở đoản của giặc, Bộ Thống soái nhà Trần đã có những chỉ đạo chiến lược: thực hiện các cuộc rút lui nhằm bảo toàn lực lượng; kéo dài thời gian kháng chiến để chuẩn bị phản công; tiến hành triệt để kế “thanh dã”, cắt đứt nguồn cung cấp, tiếp tế lương thảo của giặc, qua đó, làm cho chúng rơi vào tình cảnh khốn đốn, tinh thần hoang mang, ý chí chiến đấu giảm sút và không thực hiện được ý định đánh nhanh, thắng nhanh.”

(Theo *Tạp chí Quốc phòng toàn dân - Sự chỉ đạo chiến lược - yếu tố quyết định thắng lợi trong ba cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên*).

* **PHẦN 2 – ĐỊA LÝ 7:**

A. TRẮC NGHIỆM:

(Các bạn ôn bài trực tuyến trắc nghiệm có đáp án sau khi làm xong.)

- Bài 18: Vấn đề khai thác, sử dụng và bảo vệ rừng A-ma-dôn

<https://www.vietjack.com/dia-li-7-ct/trac-nghiem-bai-18-van-de-khai-thac-su-dung-va-bao-ve-rung-a-ma-don.jsp>

Câu 1. Rừng nào sau đây thuộc rừng nhiệt đới lớn nhất thế giới?

- A. Rừng A-ma-dôn
- B. Rừng Pa-na-ma.
- C. Rừng Cong-go.
- D. Rừng New Guinea.

Câu 2. Diện tích rừng A-ma-dôn phần lớn tập trung ở quốc gia nào?

- A. Bô-li-vi-a
- B. Cô-lôm-bi-a
- C. Bra-xin
- D. Guy-a-na

Câu 3. Rừng A-ma-dôn đóng vai trò quan trọng như thế nào đối với khí hậu Trái Đất?

- A. Điều hòa khí hậu
- B. Cung cấp CO₂
- C. Bảo tồn thiên nhiên
- D. Cung cấp các loại gỗ quý

Câu 4. Rừng A-ma-dôn phân bố trải dài qua bao nhiêu quốc gia và vùng lãnh thổ?

- A. 7
- B. 9
- C. 12
- D. 10

Câu 5. Mức độ đa dạng sinh học ở rừng A-ma-dôn đạt ở mức

- A. rất cao
- B. trung bình
- C. thấp
- D. rất thấp

Câu 6. Trong cơ cấu diện tích rừng A-ma-dôn, quốc gia nào chiếm diện tích nhỏ nhất?

- A. Bra-xin
- B. Pê-ru
- C. Xu-a-nam
- D. Vùng lãnh thổ Pháp ở Guy-a-na

Câu 7. Diện tích rừng A-ma-dôn đang bị khai thác quá mức đã để lại hậu quả gì?

- A. Tác động đến khí hậu của khu vực-toàn cầu
- B. Suy giảm lượng gỗ khai thác
- C. Hạn chế tài nguyên khoáng sản
- D. Tài nguyên rừng bị suy giảm

Câu 8. Loài động vật nào sau đây không thuộc rừng nhiệt đới?

- A. Chim cánh cụt, hải cẩu
- B. Bò sát, hổ, trăn
- C. Rừng mưa nhiệt đới
- D. Rừng mưa nhiệt đới

Câu 9. Rừng A-ma-dôn không có đặc điểm nào sau đây?

- A. Đất đai màu mỡ
- B. Mạng lưới sông ngòi dày đặc
- C. Nhiều khoáng sản có trữ lượng lớn
- D. Sinh vật nghèo nàn

Câu 10. Tính đến năm 2020 rừng nhiệt đới A-ma-dôn đã mất bao nhiêu diện tích rừng nguyên sinh?

- A. 3,24 triệu ha
- B. 2,3 triệu ha
- C. 5 triệu ha
- D. 1,2 triệu ha

Câu 11. Hiệp ước bảo vệ rừng A-ma-dôn được kí kết không có nội dung nào sau đây?

- A. Hạn chế khai thác gỗ, trồng rừng
- B. Đẩy mạnh vai trò của cộng đồng bản địa
- C. Hỗ trợ về tài chính để thực hiện các cam kết và sáng kiến bảo vệ rừng
- D. Được phép khai thác tối đa nguồn lợi từ rừng

Câu 12. Điều không phải là nguyên nhân dẫn đến sự suy giảm tài nguyên rừng A-ma-dôn?

- A. Khai thác và sử dụng để canh tác nông nghiệp
- B. Khai thác khoáng sản quá mức
- C. Khai thác lấy gỗ, làm đường giao thông
- D. Bảo tồn và duy trì đa dạng sinh học

- Bài 20: Dân cư, xã hội Ô-xtrây-li-a

<https://www.vietjack.com/dia-li-7-ct/trac-nghiem-bai-20-dan-cu-xa-hoi-o-xtray-li-a.jsp>

Câu 1. Tính đến năm 2020 dân số của Ô-xtrây-li-a là bao nhiêu?

- A. 19,1 triệu người
- B. 23,8 triệu người
- C. 25,7 triệu người
- D. 98 triệu người

Câu 2. Phân bố dân cư của Ô-xtrây-li-a có đặc điểm gì?

- A. Phân bố không đồng đều
- B. Tập trung chủ yếu ở vùng trung tâm
- C. Tập trung thưa thớt ở khu vực Đông Nam
- D. Phân bố dân cư đồng đều

Câu 3. Mật độ dân số bình quân hiện nay của Ô-xtrây-li-a là bao nhiêu?

- A. 78 người/km²
- B. 8 người/km²

C. 71 người/km²

D. 3 người/km²

Câu 4. Cơ cấu dân số Ô-xtray-li-a có đặc điểm gì?

A. Cơ cấu dân số già

B. Cơ cấu dân số trẻ

C. Tuổi thọ trung bình thấp

D. Tỷ lệ trẻ em sinh ra cao

Câu 5. Đô thị hóa ở Ô-xtray-li-a có đặc điểm gì?

A. Mức độ đô thị hóa cao

B. Mức độ đô thị hóa thấp

C. Mức độ đô thị hóa trung bình

D. Mức độ đô thị hóa rất thấp

Câu 6. Ngôn ngữ chính thức của quốc gia Ô-xtray-li-a là gì?

A. Tiếng Anh

B. Tiếng bản địa

C. Tiếng Pháp

D. Tiếng Do Thái

Câu 7. Các đô thị ở quốc gia Ô-xtray-li-a chủ yếu phân bố ở đâu?

A. Vùng trung tâm

B. Khu vực đông bắc

C. Vùng rìa phía tây

D. Ven biển phía đông nam

Câu 8. Vùng tập trung đông dân nhất ở Ô-xtray-li-a là vùng nào?

A. Vùng phía tây và tây bắc

B. Vùng trung tâm

C. Vùng phía đông, đông nam và tây nam

D. Vùng tây bắc và tây nam

Câu 9. Lễ hội nào sau đây không thuộc Ô-xtray-li-a?

A. Lễ hội truyền thống Ô Va-lây

B. Lễ hội thổ dân Lô-ra

C. Lễ hội ánh sáng

D. Lễ hội sông Ấn-Hàng

Câu 10. Số dân Ô-xtray-li-a tăng nhanh là do nguyên nhân nào?

A. Quy mô dân số cao

B. Do dân nhập cư

C. Tỷ lệ dân số trong tuổi sinh đẻ cao

D. Tỷ suất tang dân số tự nhiên thấp

Câu 11. Cư dân đầu tiên của quốc gia Ô-xtray-li-a có nguồn gốc:

A. Người châu Á

B. Người châu Âu

C. Người dân bản địa

D. Người Hà Lan

Câu 12. Tại sao nói dân cư Ô-xtray-li-a lại ngày càng già hóa?

A. Dân số trên 65 tuổi trở lên chiếm 15% tổng số dân

B. Dân số nhóm từ 0 đến 14 tuổi chiếm 19% tổng số dân

C. Tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên cao

D. Cơ cấu dân số trẻ

Câu 13. Tại sao dân cư Ô-xtray-li-a tập trung chủ yếu ở khu vực phía Đông, Đông Nam?

A. Điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển kinh tế

B. Giàu có tài nguyên khoáng sản

C. Nguồn sinh vật phong phú và đa dạng

D. Do quy hoạch chung của đất nước

Câu 14. Đô thị nào sau đây ở Ô-xtrây-li-a có dân số từ 1 đến 5 triệu người?

- A. Can-Bé-Ra
- B. Niu Cat-xon
- C. Xít-ni
- D. Gi-lông

Câu 15. Khởi nguồn từ tín ngưỡng của người dân bản địa, mặt nạ cư dân eo biển Tô-ret được làm từ các vật liệu địa phương cho đến nay mặt nạ được coi như là:

- A. Cách thức phục hưng nền nghệ thuật, văn hóa cổ xưa và những nghi lễ sống động
- B. Giúp cho con người có thể nguy trang 1 cách tốt nhất
- C. Tạo hứng thú cho giới trẻ đến tham quan
- D. Gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc

Câu 16. Năm 2020, tỉ lệ dân thành thị của Ô-xtrây-li-a là?

- A. 80%.
- B. 86%.
- C. 70%.
- D. 76%.

B. TỰ LUẬN:

- Bài 19: Thiên nhiên châu Đại Dương

*** Chủ đề 1: Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của châu Đại Dương**

Châu Đại Dương	- Các bộ phận của châu Đại Dương: Lục địa Ô-xtrây-li-a và các chuỗi đảo núi lửa .
	- Vị trí: phần lớn lãnh thổ nằm ở bán cầu Nam .
	- Tiếp giáp: châu Á và 2 đại dương (Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương).
	- Diện tích: 8,5 triệu km² .
Lục địa Ô-xtrây-li-a	- Vị trí: trải dài từ vĩ tuyến 10°N đến 39°N , nằm ở phía tây châu Đại Dương,
	- Giáp ranh: bốn phía giáp biển .
	- Hình dạng: có dạng khối rõ rệt, đường bờ biển ít bị chia cắt .
	- Diện tích: 7,7 triệu km² .

*** Chủ đề 2: Đặc điểm tự nhiên của lục địa Ô-xtrây-li-a**

Địa hình	- Lục địa Ô-xtrây-li-a trương đối bằng phẳng . - Phân bố: + Phía tây: cao nguyên, độ cao trung bình dưới 500m. + Trung tâm: đồng bằng, bồn địa. + Phía đông: vùng núi, có dãy Trường Sơn Ô-xtrây-li-a với độ cao trung bình 600-900m.
Khí hậu	- Đới khí hậu nhiệt đới . - Đới khí hậu cận nhiệt . - Đới khí hậu ôn đới . - Kiểu khí hậu núi cao .
Sinh vật đặc hữu	- Động vật: cang-gu-ru; gấu túi ko-a-la, thú mỏ vịt, - Thực vật: bạch đàn, keo hoa vàng...
Khoáng sản:	- Đồng, sắt, than, vàng, dầu mỏ.

- Bài 20: Dân cư, xã hội Ô-xtrây-li-a

Quy mô, gia tăng và cơ cấu dân số	- Quy mô dân số không lớn.
	- Tỉ suất gia tăng tự nhiên ở mức thấp: 0,5% năm 2020.
	- Cơ cấu dân số: cơ cấu dân số già, cơ cấu theo giới: 100 nữ / 98 nam.
	- Dân cư chủ yếu là người nhập cư từ châu Âu, có người châu Á.
	- Mật độ dân số: mức độ thấp, 3 người/ km ² .

Phân bố dân cư và đô thị	- Phân bố: không đều, dân cư tập trung ở khu vực Đông Nam, thưa thớt ở vùng trung tâm.
	- Đô thị hóa: mức độ cao, tỉ lệ dân thành thị chiếm 86% (năm 2020); các đô thị phân bố ở ven biển đông nam.

C. THỰC HÀNH: Giải thích hiện tượng tự nhiên.